

BẢNG ĐIỂM THI TỔNG CỤC 10,11.01.2026

STT	HỌ	TÊN	SBD	NĂM SINH	SỐ ID	CẮT DA	ĐIỂM CỘNG CUỐI KHÓA	SON FRENCH TRÊN BÀN TAY GIẢ	ĐIỂM CỘNG CUỐI KHÓA	SON GEL	ĐIỂM CỘNG E-MANICURE	ĐÁP BỘT DESIGN	ĐIỂM CỘNG CUỐI KHÓA	TỔNG ĐIỂM VẼ (VẼ GEL, NÔI, ĐINH DÀ, VMTH)	ĐIỂM CỘNG BÀI TẬP	TB TH	ĐIỂM CỘNG SWS	TỔNG THỰC HÀNH	LÝ THUYẾT	TỔNG CỘNG	XẾP LOẠI
1	Trần Thảo	An	002	09/06/2007	KP2724	6.7	+1	6.9	+1	6	+0	7.1	+1	36.5	+4	7.6	+0.5	8.1	8.6	8.3	Giỏi
2	Nguyễn Thị Kim	Cương	004	10/04/2007	KP2684	8.4	+1	6.7	+1	8.8	+0	6.8	+1	36.5	+3	8.3	+0	8.3	6.1	7.6	Khá
3	Lê Ngân	Hà	006	12/12/1994	KP2838 HVF	8	+0	6.8	+0	8.7	+0	8.3	+1	44.5	+3	8.5	+0	8.5	6.3	7.8	Khá
4	Phạm Thị	Hằng	007	01/01/1983	KP2764	8.3	+1	7.7	+1	7	+1	7	+3	42	+3	9	+0.5	9.5	9.4	9.5	Xuất sắc
5	Võ Thị Ánh	Hậu	009	11/11/1993	KP2786 HVF	7.4	+1	7	+0	7.3	+0	7	+0.5	38.5	+3	7.7	+0	7.7	9.9	8.4	Giỏi
6	Hoàng Thị Thu	Hiền	010	26/05/1987	KP2816	6.9	+1	8.7	+1	6.2	+1	6.7	+3	36.5	+3	8.5	+0.5	9	8.5	8.8	Giỏi
7	Lương Minh	Hoàng	011	28/07/1997	KP2737	7.8	+1	6.1	+1	7.3	+0	6.9	+1	36	+3	7.8	+0	7.8	10	8.5	Giỏi
8	Jang Kwang	Hoon	012	04/11/1981	KP2797	7.1	+1	6.4	+1	5.8	+1	6.6	+2	34	+3	7.7	+0.5	8.2	7.7	8	Giỏi
9	Lưu Thị Thu	Hương	013	03/05/1990	KP2837 HVF	8.1	+0	6.8	+0	8.2	+0	8.2	+1	44.5	+3	8.4	+0	8.4	8.3	8.4	Giỏi
10	Trương Nguyễn Tuấn	Huy	014	16/06/1990	KP2647	8	+1	7.5	+1	7.3	+0.5	6.9	+1	39	+4	8.4	+0.5	8.9	9.4	9.1	Xuất sắc
11	Bùi Hồng	Loan	019	05/09/1995	KP2715	8.6	+1	7.7	+1	6.8	+0	7.2	+1	38	+4	8.3	+0	8.3	9.9	8.8	Giỏi
12	Phạm Nguyễn Kim	Ngân	021	08/08/2007	KP2793	7.7	+1	7.3	+1	6.8	+1	6.4	+3	38.5	+2	8.5	+0	8.5	6.5	7.8	Khá
13	Mai Bích	Ngọc	022	12/06/1988	KP2800 TS tự do	8.7	+1	7.8	+0	8.8	+0	7.2	+0.5	38.5	+0	8.3	+0	8.3	9.7	8.8	Giỏi
14	Nguyễn Minh	Nhật	023	26/04/1996	KP2819	7	+0.5	6.5	+1	7.3	+1	7.3	+1.5	34.5	+3	7.9	+0.5	8.4	8.6	8.5	Giỏi
15	Tăng Thục	Nhi	025	21/04/1984	KP2692	8	+1	7	+1	6.2	+0	7.2	+1	33.5	+4	7.8	+0.5	8.3	9.9	8.8	Giỏi
16	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	026	23/07/1999	KP2606	8.6	+1	6.4	+0.5	7.2	+0.5	6.8	+1	34.5	+2	7.9	+0	7.9	9.9	8.6	Giỏi
17	Đỗ Quỳnh Phương	Như	027	23/11/2003	KP2617	7.8	+1	7.1	+1	7.3	+0	6.3	+1	37.5	+3	7.9	+0.5	8.4	10	8.9	Giỏi
18	Phùng Yến	Nhi	028	19/08/2005	KP2765	8.4	+1	7.6	+1	8.2	+0	7.7	+1	35.5	+4	8.6	+0.5	9.1	9	9.1	Xuất sắc
19	Lê Kim Hoàng	Phúc	031	28/04/2002	KP2755	8.2	+1	6.9	+1	7.2	+0	8.7	+1	38.5	+4	8.5	+0.5	9	8	8.7	Giỏi
20	Liêu Khả	Phụng	032	07/02/2007	KP2728	8.4	+1	7.1	+1	7.7	+0	7.7	+1	40	+4	8.5	+0.5	9	8.9	9	Xuất sắc
21	Phạm Thị Quế	Thảo	033	11/03/1990	KP2779	7.8	+1	7.5	+1	8.3	+1	7	+3	40	+3	9	+0.5	9.5	9.9	9.6	Xuất sắc
22	Không Thị Bích	Thùy	036	21/09/1994	KP2859 HVF	7.9	+0	6.8	+0	7.7	+0	6.6	+0	32.5	+3	7.2	+0	7.2	6.8	7.1	Khá
23	Thái Thị Thu	Thùy	037	01/11/1986	KP2840 HVF	7.5	+0.5	7	+0	8	+0	6.3	+0.5	35.5	+2.5	7.5	+0	7.5	9.7	8.2	Giỏi
24	Dương Thị Bảo	Trần	039	25/05/1997	KP2747	7.5	+1	7	+1	7.3	+0	6.9	+1	39	+4	8.1	+0	8.1	8.6	8.3	Giỏi